TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2025
V/v: *"Xin ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Huỳnh Thị Thu Hồng
2. Ông Lê Thanh Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp: *"Xin ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Phương L, sinh năm: 1982.
Địa chỉ: Ấp G, xã PhĐ, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;
- *Bị đơn:* Chị Trần Thị X, sinh năm: 1988.
Địa chỉ: Ấp G, xã PhĐ, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;

(Anh L xin vắng mặt, chị X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Phan Phương L trình bày:*

Anh Phan Phương L và chị Trần Thị X tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2010 tại UBND xã Phú Đông. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị X có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh L nhiều lần khuyên can nhưng chị X không sửa đổi nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến cuối năm 2011 thì mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, vợ chồng sống ly

thân đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không liên lạc, không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh L cho rằng không còn tình cảm với chị X nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phan Thị Xuân Đ, sinh ngày 31/12/2003, Phan Trần Mỹ T, sinh ngày 06/5/2006 và Phan Trần Thanh T, sinh ngày 08/4/2009. Đến nay, Phan Thị Xuân Đ và Phan Trần Mỹ T đã trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết. Riêng Phan Trần Thanh T đang sống với anh L. Ly hôn, anh L yêu cầu tiếp tục nuôi Phan Trần Thanh T, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

***** Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa,… cho bị đơn hợp lệ, nhưng chị X vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh L.

***** Ý kiến của Kiểm sát viên

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Anh Phan Phương L được ly hôn với chị Trần Thị X. Về con chung: 02 con tên Phan Thị Xuân Đ và Phan Trần Mỹ T đã trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Giao con tên Phan Trần Thanh T, sinh ngày 08/4/2009 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L chưa yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Anh Phan Phương L được và chị Trần Thị X có đăng ký kết hôn vào năm 2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết. Anh L xin ly hôn với chị X và yêu cầu nuôi con chung nên đây là vụ án về: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tân Phú Đông. Anh L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Chị X vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh L và chị X.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Phương L

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh L cho rằng vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị X có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh L nhiều lần khuyên can nhưng chị X không sửa đổi. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến cuối năm 2021, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng và anh chị đã sống ly thân đến nay. Anh L và chị X không tự liên lạc để hàn gắn tình càm vợ chồng. Anh L cho rằng không còn tình cảm với chị X nên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tống đạt cho chị X các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng chị X không gửi văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không đến dự phiên tòa là cố ý bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh chị cho anh L quyết định. Do đó, cho thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L.

- *Về con chung:*

Anh L và chị X chị có 03 con chung. 02 Con tên Phan Thị Xuân Đ, sinh ngày 31/12/2003, Phan Trần Mỹ T, sinh ngày 06/5/2006 đã trên 18 tuổi, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Riêng con tên Phan Trần Thanh T, sinh ngày 08/4/2009, đang sống với anh L. Ly hôn, anh L yêu cầu tiếp tục nuôi Phan Trần Thanh T, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Chị X không đến Tòa án cũng không gửi văn bản trình bày trình bày ý kiến về việc anh L yêu cầu nuôi con. Xét thấy, Phan Trần Thanh T đang sống với anh L. Mặt khác, tại "*Bản trình bày ý kiến*" ngày 12/02/2025, Phan Trần Thanh T có nguyện vọng được sống với anh L sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để ổn định và đảm bảo cuộc sống của con anh chị, Hội đồng xét xử giao Phan Trần Thanh T cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L chưa yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*:

Anh Phan Phương L trình bày, vợ chồng không có sản chung, không có nợ chung.

[3] Về án phí:

- Anh Phan Phương L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Trần Thị X không nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về phát biểu của Kiểm sát viện:

Kiểm sát viên trình bày ý kiến và đề nghị có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Phương L.
- Anh Phan Phương L được ly hôn với chị Trần Thị X.

2. Về con chung:

- Giao con tên Phan Trần Thanh T, sinh ngày 08/4/2009 cho anh Phan Phương L tiếp tục nuôi dưỡng.
- Anh Phan Phương L chưa yêu cầu chị Trần Thị X cấp dưỡng nuôi con.
- Chị Trần Thị X được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Phan Phương L và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí:

- Anh Phan Phương L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu tiền số 0001918, ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, anh Phan Phương L đã nộp xong án phí.
- Chị Trần Thị X không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Đông;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Thị Hoàng Nhi